TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2025/HC-PT
Ngày: 15/8/2025
V/v *"Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Yên

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Anh - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 413/2025/TLPT-HC ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại".*

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 328/2024/HC-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 244/2025/QĐXXPT-HC ngày 24 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1965.

Địa chỉ: số B, ấp L, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã C, Thành phố Hồ Chí Minh), (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H1:

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1981; địa chỉ liên lạc: số D đường L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường N, Thành phố Hồ Chí Minh), (có mặt).

- Ông Nguyễn Khắc B, sinh năm 1976; địa chỉ liên lạc: số G, khu phố P, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã C, Thành phố Hồ Chí Minh),

(có mặt).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Địa chỉ: Đường L, khu phố G, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Văn B1, Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, (xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Phước L, Chức vụ: Trưởng Phòng Kinh tế xã C, (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo tóm tắt tại bản án sơ thẩm và trình bày của người khởi kiện có nội dung như sau:*

Tại đơn khởi kiện ngày 26/7/2023 và đơn bổ sung ngày 06/02/2024 người khởi kiện bà Nguyễn Thị H1 yêu cầu Tòa án tuyên hủy Văn bản số 4717/UBND ngày 14/7/2023 về việc trả lời khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Ủy ban nhân dân được viết tắt là UBND) về bồi thường khi thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị H1, với lý do cụ thể như sau:

Thửa đất số 163 và 174 có nguồn gốc từ ông, bà để lại cho ông Nguyễn Văn M1 là cha của bà Nguyễn Thị H1. Ngày 27/5/1994, ông M1 được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09/QSDĐ/SX, diện tích 11.645,26m^2, thuộc thửa đất số 140, 138-1, 345, 145-2, tờ bản đồ số 05, mục đích sử dụng là đất sản xuất. Ngày 12/9/2000, ông M1 được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 1624/QSDĐ các thửa đất số 166, 162, 163, 174. Tổng diện tích là 11.098m^2. Mục đích sử dụng khác nhau: đất ao, đất vườn, đất hàng năm khác. Năm 2008, ông M1 tặng cho bà H1 quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số 1624/QSDĐ ngày 12/9/2000. Ngày 11/3/2008 bà H1 được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01845, H01846 và H01847, tại sơ đồ thửa đất được mô tả theo giấy chứng nhận không thể hiện có con đường đi hiện hữu. Tại tờ bản đồ số 1, thị trấn C, tỷ lệ 1/2000 năm 1992 trên thửa đất số 163 cũng không thể hiện có đường đi.

UBND huyện C căn cứ vào Quyết định 1310/QĐ-UBND, ngày 27/10/2018 *"về duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng nâng cấp đường B, khu phố G" (từ đường G đến đường P*) thực hiện trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2020 và xác định đoạn đường qua vị trí khu đất của bà H1 được khảo sát thiết kế thi công xây dựng nâng cấp trên nền đường cấp phối đá dăm hiện hữu, không mở rộng nên không tổ chức vận động dân hiến đất; đoạn đường này được thi công xây dựng hoàn thành láng nhựa năm 2020 trên con đường đã được hình thành từ trước năm 2002 nên không tiến hành các thủ tục thu hồi đất theo quy định là hoàn toàn trái

pháp luật do phần đất làm đường có diện tích 112,7m^2 nằm hoàn toàn trong thửa đất số 163 thuộc quyền sử dụng của bà H1.

Ngày 11/3/2022, bà H1 khiếu nại UBND huyện C về hành vi đổ nhựa, làm đường đi trên phần đất của bà. Ngày 09/6/2022, Chủ tịch UBND thị trấn C là ông Nguyễn Văn N và cán bộ địa chính là ông Nguyễn Tấn H2 tiếp xúc và yêu cầu phải giữ nguyên hiện trạng của khu đất để chờ kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền nhưng đến nay vẫn chưa giải quyết khiếu nại theo đúng trình tự thủ tục luật định.

Ngày 28/12/2022, UBND huyện C ban hành văn bản 8023/UBND do phó chủ tịch Trần Tiến T ký có nội dung: *"Ngày 27/10/2018, UBND huyện C ban hành Quyết định số 1310/QĐ-UBND về duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng nâng cấp đường B, khu phố G……trong đó có đoạn đi qua khu đất của bà Nguyễn Thị H1, có chiều dài khoảng 98,07m, rộng 3,5m…"*.

Ngày 29/6/2023, UBND huyện C tiếp tục thi công đào mương thoát nước trên phần đất của bà H1, khi được yêu cầu cho biết lý do thì đại diện đơn vị thi công nói miệng là đào để xây cống thoát nước mà không cho biết căn cứ quyết định nào. Bà H1 khiếu nại và được trả lời bằng Văn bản số 4717/UBND ngày 14/7/2023 với nội dung: *"...đề nghị bà liên hệ với Phòng tài nguyên môi trường để được hướng dẫn hỗ trợ lập thủ tục điều chỉnh GCNQSDĐ theo quy định"*. Theo nội dung văn bản thì việc làm đường căn cứ theo Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 27/10/2018 và cho rằng việc đổ đá, tráng nhựa làm đường này là *"trên con đường hiện hữu đã được hình thành từ trước năm 2002… qua đối chiếu tài liệu bản đồ số thị trấn C được đo đạc, lập bản vẽ năm 2002 đã có đường giao thông"* và yêu cầu bà Hồng điều C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ, trái quy định pháp luật. Theo Điều 1 của Quyết định 1310/QĐ-UBND thì: *Quyết định tên dự án: "xây dựng nâng cấp đường B, khu phố G (từ đường G đến đường P) và quy mô đầu tư là nâng cấp đường láng nhựa và xây dựng hệ thống cống thoát nước"…thực hiện trong giai đoạn 2018 đến 2020*. Nhưng cuối năm 2021, UBND huyện C mới thực hiện đổ đá làm đường trên đất của bà H1 là không đúng kế hoạch.

Trong báo cáo của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C đã đề xuất UBND huyện xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01846 đã cấp cho bà H1 là đúng quy định pháp luật. Do đó, Ban quản lý dự án làm đường trên phần đất có diện tích 112,7m^2 là trái quy định pháp luật.

Tại Văn bản số 4444/UBND ngày 05/07/2023 của UBND huyện C, do Phó chủ tịch Trương Tiến T1 ký về việc giải quyết đơn của ông Phan Văn T2 khiếu nại hành vi *"chiếm dụng lối đi chung"* có nội dung xác định: *"nguồn gốc đất của ông M1 là do ông bà để lại, năm 1994 ông M1 xin cấp GCNQSDĐ. Tại thời điểm cấp GCNQSDĐ theo nền bản đồ theo chỉ thị 299 (tỷ lệ 1/4000) vẫn không có con đường theo báo cáo xác minh hiện trạng đất ngày 24/05/1994 của phòng N1. Năm 2000, ông M1 lập thủ tục cấp đổi ...theo sơ đồ vị trí khu đất tỷ lệ 1/2000 không thể hiện con đường; năm 2008 tặng cho bà H1...theo đúng qui định pháp luật. Ông T2 phản ánh em bà H1 chiếm dụng lối đi là không có cơ sở.."*.

Theo bản đồ hiện trạng (tỷ lệ 1/2000) và hiện trạng thực tế giữa thửa 163 với thửa 160, 161 do bà Trịnh Lâm Xuân T3 đứng tên sử dụng có con đường đất rộng khoảng 2m đã được chôn các cọc bê tông và dây kẽm để xác định chiều rộng, là lối đi từ đường L vào các thửa đất phía trong. UBND huyện không mở rộng phần đường này để phù hợp thực tế và không phải thu hồi đất nhưng lại tiến hành làm đường trên đất của bà H1 là không hợp lý.

Đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà H1 theo qui định của Luật Đất đai 2013. Trong trường hợp thu hồi thì phải thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật đất đai 2013; Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ được bổ sung tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; Nghị định 43/2014; Nghị định 44/2014 về trình tự thủ tục thu hồi đất. UBND huyện C không thực hiện các trình tự, thủ tục: Tổ chức lấy ý kiến về "*Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư*" theo hình thức tổ chức họp trực tiếp; Ban hành và giao quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho bà H1 là người có đất bị thu hồi; Cung cấp các văn bản, Quyết định liên quan đến việc thu hồi đất, như vậy là trái quy định của pháp luật. Bà H1 khiếu nại nhưng UBND huyện C không ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại mà lại ban hành công văn hướng dẫn điều chỉnh giảm phần diện tích 112,7m^2 đất là không có căn cứ.

- Tại các văn bản số 9434/UBND ngày 25/12/2023, số 1997/UBND ngày 21/3/2024 và số 5398/UBND ngày 26/7/2024, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C có ý kiến như sau:

Năm 2022, bà Nguyễn Thị H1 có gửi đơn phản ánh đến UBND huyện về việc nhà nước tự ý làm đường trên phần đất đã được cấp Giấy chứng nhận số H01846 ngày 11/3/2008 và đề nghị trả lại phần diện tích đất đã làm đường theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua xác minh và đối chiếu hồ sơ lưu trữ, UBND huyện ban hành Công văn số 8023/UBND ngày 28/12/2022 đề nghị bà H1 liên hệ Phòng Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn, hỗ trợ lập thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng hiện trạng thực tế sử dụng do những căn cứ: Thửa đất bà Nguyễn Thị H1 được cấp Giấy chứng nhận số H01846 ngày 11/3/2008 có tổng diện tích 3.035m², trong đó phần đất diện tích 112,7m² (chiều dài 32,2m, rộng 3,5m, thửa 163,174, tờ bản đồ số 01) thuộc Dự án xây dựng, nâng cấp tuyến đường B, tổ E, khu phố G, thị trấn C có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn M1 (cha của bà H1) đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09/QSDĐ/sx ngày 27/5/1994, được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1624/QSDĐ/sx ngày 12/9/2000 và đã tặng cho bà H1 năm 2008. Qua xác minh hộ dân và đối chiếu tài liệu bản đồ số thị trấn C được đo đạc lập bản vẽ năm 2002, Dự án đường B được thi công xây dựng trên con đường hiện hữu đã được hình thành từ trước năm 2002 và đã duy tu sửa chữa năm 2014, năm 2017 bao gồm đoạn qua khu đất bà H1, hiện được nâng cấp thành đường B. Tuy nhiên khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H1 do không thực hiện việc đo vẽ thực tế nên không đúng với hiện trạng sử dụng đất và đến nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H1 có một phần diện tích là đường giao thông như trên chưa được thu hồi, điều chỉnh. Bên cạnh đó, theo tài liệu bản đồ

số năm 2003 (được đo đạc từ năm 2001 đến năm 2005) thì khu đất bà H1 khiếu kiện đã được hình thành đường giao thông, điều này phù hợp với các biên bản xác minh của Thanh tra huyện.

Ngày 13/6/2023, bà H1 có đơn kiến nghị gửi Thanh tra Thành phố về kiến nghị UBND huyện bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi một phần thửa đất số 163, tờ bản đồ số 01, thị trấn C diện tích 112,7m² để thực hiện dự án xây dựng, nâng cấp tuyến đường B. Ngày 21/6/2023, Thanh tra Thành phố có phiếu chuyển đơn số 423/TTTP-VP về chuyển đơn kiến nghị phản ánh của bà Nguyễn Thị H1. Trên cơ sở rà soát hồ sơ, dữ liệu giải quyết vụ việc trước đây theo Quyết định số 5949/QĐ-UBND ngày 06/10/2022, UBND huyện đã ban hành Công văn số 4717/UBND ngày 14/7/2023 về giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị H1 với nội dung không có cơ sở để xem xét, giải quyết do các căn cứ: *"Ngày 27/10/2018, UBND huyện C duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng nâng cấp đường B theo Quyết định 1310/QĐ-UBND và giao Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện làm chủ đầu tư, trong đó đoạn đi qua khu đất bà Nguyễn Thị H1, đã hoàn thành đưa vào sử dụng, khai thác từ tháng 10 năm 2020, nhằm cải thiện tình trạng ngập nước vào mùa mưa, giảm hàm lượng bụi gây ô nhiễm môi trường vào mùa khô và phục vụ nhu cầu đi lại, sản xuất của người dân. Dự án đường B thuộc hạng mục các công trình, dự án mang tính chất cấp bách trên địa bàn thị trấn C, huyện C giai đoạn 2016-2020 được UBND Thành phố H phê duyệt tại công văn số 1679/UBND-KT ngày 21/4/2018, trong đó Nhà nước bố trí vốn xây dựng công trình và người dân đóng góp cho dự án bằng việc hiến đất bị ảnh hưởng trong dự án nên không có chi phí bồi thường, hỗ trợ. Dự án được khảo sát thiết kế, thi công xây dựng trên con đường hiện hữu đã hình thành từ trước năm 2002. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H1 năm 2008 không đúng với hiện trạng sử dụng đất (nhận tặng cho từ ông Nguyễn Văn M1) do không thực hiện việc đo vẽ thực tế."*.

Như vậy, nội dung đơn kiến nghị của bà Nguyễn Thị H1 kèm theo phiếu chuyển đơn của Thanh tra Thành phố về việc đề nghị trả lại phần diện tích đất đã làm đường theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và kiến nghị UBND huyện bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi phần diện tích đất đã làm đường là không có cơ sở. Chủ tịch UBND huyện C ban hành Văn bản số 4717/UBND ngày 14/7/2023 là đúng theo quy định pháp luật.

Ngày 21/8/2023, bà H1 có đơn khiếu nại Công văn số 4717/UBND ngày 14/7/2023. UBND huyện đã ban hành Thông báo số 7597/TB-UBND ngày 18/10/2023 về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 1646/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung đơn khiếu nại của bà H1. Tuy nhiên, căn cứ Thông báo số 226/TB-TLVA ngày 02/10/2023 thì Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đang thụ lý giải quyết vụ án nên theo quy định tại khoản 9 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011 thuộc trường hợp các khiếu nại không được thụ lý giải quyết. Do đó Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1749/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1646/QĐ-UBND ngày 18/10/2023.

Đề nghị Tòa án bác yêu cầu của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H1 về việc hủy Công văn số 4717/UBND ngày 14/7/2023.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người khởi kiện có ý kiến:

1. Rút các yêu cầu: Tuyên hành vi của UBND huyện C về việc làm đường, đào mương nhưng không tiến hành các thủ tục thu hồi, bồi thường là trái pháp luật; Hủy Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 27/10/2018 và Văn bản số 8023/UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện C.

2. Yêu cầu Tòa án tuyên hủy Văn bản số 4717/UBND ngày 14/7/2023 của Chủ tịch UBND huyện C với những chứng cứ và cơ sở cụ thể như sau:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09/QSDĐ/sx ngày 27/5/1994 được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1624/QSDĐ/sx ngày 12/9/2000 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01846 ngày 11/3/2008 thể hiện trên thửa đất không có đường.

+ Văn bản số 4444/UBND ngày 05/07/2023 của UBND huyện C về việc giải quyết đơn của ông Phan Văn T2 đã xác định trong thửa đất của bà H1 không thể hiện có con đường.

+ Tờ bản đồ số 1, thị trấn C, tỷ lệ 1/2000 năm 1992 xác định trên thửa đất số 163 không thể hiện có đường đi.

+ UBND huyện C lấy phần đất diện tích 112,7m^2 của bà H1 làm đường nhưng không có quyết định thu hồi đất là trái quy định của Luật đất đai.

- Người bị kiện vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện không đồng ý yêu cầu của bà H1 với lý do:

+ Chủ tịch UBND huyện C ban hành Văn bản số 4717/UBND ngày 14/7/2023 là giải quyết đơn do Thanh tra Thành phố H chuyển không phải là quyết định giải quyết khiếu nại.

+ Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01846 ngày 11/3/2008 cho bà H1 do không đo thực tế nên chưa điều chỉnh diện tích đất. Con đường đã được hình thành từ trước theo bản đồ số năm 2002.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 328/2024/HC-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 3; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 156; khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 1 Điều 143; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; khoản 1 Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H1.

Hủy Văn bản số 4717/UBND ngày 14/7/2023 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị H1.

2. Đình chỉ các yêu cầu của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H1 gồm: Yêu cầu tuyên hành vi của UBND huyện C về việc làm đường, đào mương trên đất của bà H1 là trái pháp luật; Yêu cầu hủy Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 27/10/2018 của UBND huyện C; Yêu cầu hủy Văn bản số 8023/UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 07/01/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện, ông Nguyễn Phước L trình bày: Về thể thức ban hành văn bản trả lời cho bà H1, ủy ban ban hành hình thức công văn trả lời do đất này chưa có quyết định hành chính về thu hồi đất. Do đó bảo lưu vấn đề ban hành này là đúng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm với lý do bản án sơ thẩm tuyên chưa rõ ràng về quá trình sử dụng đất và đối với yêu cầu bồi thường do công trình đường, dự án không có chi phí bồi thường hỗ trợ vì vậy không thể bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Khắc B trình bày: Mặc dù nhiều lần bà H1 khiếu nại và đề nghị giải quyết khiếu nại nhưng ủy ban đã không xử lý. Sau đó văn bản trả lời của Chủ tịch ủy ban không giải quyết đúng như yêu cầu của bà H1. Ủy ban đã ban hành sai hình thức văn bản.. Quá trình ủy ban thực hiện không lấy ý kiến của bà H1, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Thống nhất ý kiến của bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Khắc B, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Người bị kiện và giữ nguyên bản án số 328/2024/HC-

ST ngày 29/7/2024 về việc khiếu kiện Quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Viện kiểm sát, của người khởi kiện, người bị kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về hình thức đơn kháng cáo của người bị kiện trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 07/01/2025 người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số 328/2024/HC-ST ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Đối chiếu với bản án sơ thẩm đã xét xử thì thấy:

[1] Về đối tượng khởi kiện: Cấp sơ thẩm xác định đúng đối tượng khởi kiện là văn bản số 4717/UBND ngày 14/7/2023 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị H1.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 116 Luật tố tụng hành chính cấp sơ thẩm xác định còn thời hiệu đối với các quyết định trên là phù hợp.

[3] Xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của văn bản số 4717/UBND ngày 14/7/2023 của Chủ tịch UBND huyện C thì thấy chưa phù hợp hình thức ban hành văn bản.

[4] Về nội dung: Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01846 do UBND huyện C cấp ngày 11/3/2008 thể hiện bà Nguyễn Thị H1 được công nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn M1 (cha ruột tặng cho năm 2008) đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1624/QSDĐ là thửa số 163 có diện tích 1447m^2 và thửa sô 174 có diện tích 1588m^2, tổng diện tích 3.035m^2. Ngày 26/02/2020, Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi 316,9m2 để thực hiện dự án đường L và điều chỉnh diện tích đất trong giấy chứng nhận còn 2718.1m^2. Tại mục V (Sơ đồ thửa đất) của giấy chứng nhận không thể hiện có đường đi trong phần diện tích đất 112,7m^2 (chiều dài khoảng 32,2m và rộng khoảng 3,5m) nằm trong thửa đất số 163 và 174 thuộc dự án xây dựng, nâng cấp tuyến đường B, Tổ E, khu phố G, thị trấn C.

Căn cứ biên bản làm việc ngày 14/11/2022 giữa Thanh tra huyện với ông Đỗ Văn T4 nguyên là cán bộ địa chính trị trấn C từ năm 2000 đến 2014 có nội dung: "*…Đoạn đường B thuộc Tổ E, khu phố G từ năm 2000 tôi làm cán bộ địa chính là đường đất do người dân tự đi lại lâu ngày hình thành không phải là đường của Nhà nước xây dựng. Trong thời gian tôi làm nhà nước không có dự án nâng cấp cải tạo đoạn đường trên. Đối với khu đất của bà H1 từ năm 2000 đến năm 2004, tôi nghĩ có con đường mòn trên khu đất của bà H1 do người dân đi lại lâu ngày hình thành. Hiện trạng đất tại thời điểm năm 2000 là đất hoang, không có sử dụng"*. Như vậy thể hiện trong thửa đất bà H1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại vị trí thực hiện dự án xây dựng, nâng cấp đường B không có đường

đã được nhà nước xây dựng, sửa chữa, sử dụng từ trước đó như trình bày của Chủ tịch UBND huyện C.

Căn cứ Báo cáo số 756/BC-UBND ngày 06/5/2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn C ghi nhận về quá trình sử dụng đất của ông M1 (ba bà H1) và sau này được chuyển quyền sử dụng đất qua bà H1 chỉ có đường mòn, không có con đường do Nhà nước thực hiện làm, công nhận, sử dụng.

Căn cứ báo cáo số 2070/BC-TNMT ngày 01/8/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C thể hiện theo sơ đồ vị trí khu đất không thể hiện con đường và nhận định kiến nghị: "*Phần diện tích đất 112,7m^2 Ban Q thi công công trình làm đường trên phần đất của bà Nguyễn Thị H1 đã được Ủy ban nhân dân huyện đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trái quy định pháp luật".*

Căn cứ Văn bản số 4444/UBND ngày 05/7/2023 về trả lời đơn khiếu nại của ông Phan Văn T2 thể hiện nội dung: UBND huyện C đã xác định việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 09/QSDĐ/sx ngày 27/5/1994 cho ông M1 là đúng quy định Luật Đất đai năm 1993 và tại thời điểm cấp giấy chứng nhận theo nền bản đồ Chỉ thị 299 không có con đường theo báo cáo xác minh ngày 24/5/1994 của Phòng N1. Ủy ban nhân dân huyện đã thực hiện đối chiếu, áp ranh vị trí đất và xác định việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà H1 là đúng quy định pháp luật. Như vậy, ý kiến trình bày của UBND huyện C về việc khi cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà H1 năm 2008 không đúng với hiện trạng sử dụng đất (nhận tặng cho từ ông Nguyễn Văn M1) do không thực hiện việc đo vẽ là trái ngược với nội dung trả lời văn bản.

Căn cứ tài liệu chứng cứ do người bị kiện cung cấp thể hiện UBND thị trấn C và UBND huyện C không có biên bản về việc người dân hoặc bà H1 hiến đất làm đường; không có văn bản, quyết định về việc xác định, công nhận hoặc chuyển đổi, điều chỉnh mục đích sử dụng 112,7m^2 đất trong giấy chứng nhậnQSDĐ số H01846 đã cấp cho bà H1 ngày 11/3/2008 là đường; không có quyết định thu hồi 112,7m2 đất thuộc quyền sử dụng của bà H1 để thực hiện dự án nâng cấp đường B. Như vậy nội dung văn bản số 4717/UBND ngày 14/7/2023 về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị H1 là không đúng.

Về hình thức: Lẽ ra văn bản 4717/UBND ngày 14/7/2023 có nội dung giải quyết khiếu nại phải được ban hành dưới hình thức là Quyết định nhưng UBND huyện C ban hành dưới hình thức công văn là sai về mặt thể thức văn bản.

Từ những căn cứ trên, xét thấy văn bản số 4717/UBND ngày 14/7/2023 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị H1 đã được ban hành không đúng trình tự, thủ tục, hình thức và không đúng về nội dung do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc hủy bỏ văn bản số 4717/UBND ngày 14/7/2023 là có cơ sở.

[5] Nhận định của Tòa án: Xét thấy, cấp sơ thẩm xét xử phù hợp theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa hôm nay phía người bị kiện cũng không đưa ra được những chứng cứ khác nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Do kháng cáo của người bị kiện không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính năm 2015

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Giữ nguyên phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 328/2023/HC-ST ngày 29/7/2024 về việc khiếu kiện Quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Buộc Chủ tịch UBND huyện C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 15 tháng 8 năm 2025).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VCTVKSXXPT tại TP Hồ Chí Minh (1);
- TAND TP Hồ Chí Minh (1);
- VKSND TP Hồ Chí Minh (1);
- THADS TP Hồ Chí Minh (1);
- Người khởi kiện (1);
- Người bị kiện (1);
- Lưu hồ sơ (2), VP (6), 15b - LMA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Văn Yên